TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST
Ngày 12 - 3 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Huy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Diễn

2. Bà Phạm Thị Thúy Mùi

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 316/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXX-ST ngày 22/02/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1966

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Nơi cư trú hiện nay: Quỳnh Trang huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Ông Lương Ngọc L, sinh năm 1953

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

(Bà V có mặt, ông L có đơn xin xét xử vắng mặt vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là bà Nguyễn Thị V có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Về hôn nhân: Bà kết hôn với ông Lương Ngọc L do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vào ngày 10/3/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống ở nhà ông L ở thôn T, xã T. Vợ chồng chung sống hòa thuận được 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, ông L tính tình khó tính và không hạnh phúc vì không có con chung. Năm 2016 bà đã bỏ về thôn Phụng Công, xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình sinh sống, vợ chồng cũng ly thân từ đó cho đến nay. Bà V xác định cuộc sống vợ chồng không có tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lương Ngọc L.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Bị đơn ông Lương Ngọc L vắng mặt, tại biên bản lấy lời khai và đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 23/12/2020, ông L trình bày:

Ông xác nhận về thời gian, điều điện, hoàn cảnh kết hôn như bà Nguyễn Thị V trình bày là đúng. Trước khi kết hôn với bà V ông đã có vợ nhưng đã mất. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở nhà gia đình ông tại thôn T, xã T, huyện Quỳnh Phụ. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng đôi khi có lời qua tiếng lại với nhau. Năm 2016 bà Nguyễn Thị V đã tự ý bỏ về nhà ở thôn Phụng Công, xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình sinh sống, vợ chồng cũng ly thân từ đó cho tới nay. Nay bà V có đơn xin ly hôn với ông, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị V.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn vắng mặt nên Viện kiểm sát không có ý kiến nhận xét về việc tuân theo pháp luật của bị đơn tại phiên tòa.Về ý kiến giải quyết vụ án, bà kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết: Chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa bà Nguyễn Thị V và ông Lương Ngọc L là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ tại thôn T, xã T, huyện Quỳnh Phụ nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông L có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà V, ông L được xác L trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình ngày ngày 10/3/2006, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được một khoảng thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không thực sự thấu hiểu, cảm thông với nhau về các vấn đề trong cuộc sống. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ năm 2016 cho tới nay, không quan tâm. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà V và ông L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V, xử cho bà được ly hôn ông L là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà V, ông L đều trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: bà V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị V được ly hôn ông Lương Ngọc L.

2.Về con chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra để giải quyết.

4.Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng *(ba trăm nghìn đồng)* bà V nộp theo Biên lai thu số 0004607 ngày 10/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bà Nguyễn Thị V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/3/2021). Ông Lương Ngọc L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

***Nơi nhận**:*
-TAND tỉnh Thái Bình
-VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã T, h. Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Huy Hoàng